

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In the Guardianship/Conservatorship of:
Trong Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ:

Respondent
Bị Đơn

No. _____
Số _____

Order Appointing
Lệnh Chỉ Định

- ☐ **Limited Guardian (ORAPLGP)**
Người Giám Hộ Có Giới Hạn (ORAPLGP)
- ☐ **Full Guardian (ORAPGDP)**
Người Giám Hộ Chính Thức (ORAPGDP)
- ☐ **Limited Conservator (ORAPLC)**
Người Bảo Hộ Có Giới Hạn (ORAPLC)
- ☐ **Full Conservator (ORAPCC)**
Người Bảo Hộ Chính Thức (ORAPCC)
- ☐ **Full Guardian/Conservator (ORAPFGC)**
Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ Toàn Diện (ORAPFGC)
- ☐ **Limited Guardian/Conservator (ORAPLGC)**
Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ Hạn Chế (ORAPLGC)
- ☐ **Clerk's Action Required: 1, 23, 40**
Việc Lục Sự Cần Làm: 1, 23, 40

Order Appointing Full or Limited Guardian and/or Conservator
Lệnh Chỉ Định Người Giám Hộ và/hoặc Người Bảo Hộ Chính Thức hoặc Có Giới Hạn

1. Summary
Tóm Tắt

Date guardian/conservator appointed: _____

Ngày người giám hộ/người bảo hộ được chỉ định: _____

Due date for report and accounting: _____

Ngày đến hạn nộp báo cáo và kế toán: _____

Reporting Period:

Thời Hạn Báo Cáo:

☐ 12 ☐ 24 ☐ 36

☐ 12 ☐ 24 ☐ 36

Start: _____

Bắt Đầu:

End: _____

Kết Thúc:

Date of next review: _____

Ngày tái xét kế tiếp: _____

Letters expire on: _____

Thư hết hạn vào: _____

Bond amount: \$ _____

Số tiền bảo lãnh: \$ _____

Restricted account agreements required: ☐ Yes ☐ No

Thỏa thuận tài khoản hạn chế được yêu cầu: ☐ Có ☐ Không

Due date for inventory: _____

Ngày đến hạn kiểm kê: _____

Due date for guardian/conservator's plan: _____

Ngày đến hạn về kế hoạch của người giám hộ/người bảo hộ: _____

The clerk shall notify the auditor of loss of voting rights: ☐ Yes ☐ No

Lục sự phải thông báo cho kiểm toán viên mất quyền bỏ phiếu: ☐ Có ☐ Không

Right to vote removed – birth date and last 4 SS #: _____

Quyền bỏ phiếu bị xóa bỏ – ngày sinh và 4 chữ số SS cuối #: _____

☐ Certified professional guardian (CPG) ☐ Public professional guardian (PUG)

☐ Lay (family) guardian (LGD) ☐ Training completed ☐ Training required

Người giám hộ chuyên nghiệp có chứng nhận (CPG) ☐ Người giám hộ chuyên nghiệp công (PUG)

☐ Người giám hộ (gia đình) không chuyên (LGD) ☐ Khóa huấn luyện đã hoàn tất ☐ Khóa huấn luyện bắt buộc

	<u>Individual Subject to Guardianship/Conservatorship Cá Nhân Chịu Dưới Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ</u>	<u>Guardian/Conservator Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ</u>
Name Tên		
Address Địa Chỉ		
Phone Điện Thoại		
Email		

Email		
Facsimile Fax		
	<u>Notice Party</u> <u>Đương Sự Được Thông Báo</u>	<u>Notice Party</u> <u>Đương Sự Được Thông Báo</u>
Name Tên		
Address Địa Chỉ		
Phone Điện Thoại		
Email Email		
Relationship Mối Quan Hệ		

This matter came on for hearing on a petition for appointment of guardian and/or conservator for the Respondent.

Vấn đề này đã được đưa ra xét xử theo đơn xin chỉ định người giám hộ và/hoặc người bảo hộ cho Bị Đơn.

The proposed guardian and/or conservator was present.

Người giám hộ và/hoặc người bảo hộ được đề xuất đã hiện diện.

The court visitor (visitor) was present. The following other persons were also present at the hearing:

Người biện hộ đại diện (người biện hộ) đã hiện diện. Những người khác sau đây cũng đã hiện diện tại phiên xét xử:

The court considered the written report of the visitor and the professional evaluation, the testimony of witnesses, remarks of counsel, and the documents filed herein. Based on the above, the court makes the following:

Tòa án đã xem xét báo cáo bằng văn bản của người biện hộ và đánh giá chuyên môn, lời khai của nhân chứng, nhận xét của luật sư và văn kiện được đệ trình trong vụ án này. Dựa trên các mục trên đây, tòa án đưa ra như sau:

Findings of Fact

Thành Lập Sự Kiện

- All notices required by law have been given and proof of service as required by statute is on file.

Tất cả các thông báo được yêu cầu theo luật pháp đã được đưa ra và bằng chứng tổng đạt phải được lưu trong hồ sơ theo quy định của đạo luật.

The court finds by clear and convincing evidence that Respondent was given proper notice of the hearing on the petition. Required proof of service is on file.

Tòa án nhận thấy là bằng chứng rõ ràng và thuyết phục rằng Bị Đơn đã được thông báo đúng cách về phiên xét xử đơn xin Bằng chứng tổng đạt bắt buộc phải được lưu trong hồ sơ.

3. Jurisdiction and Venue
Thẩm Quyền và Địa Điểm

Jurisdiction over the person and/or estate of Respondent is correct because:

Thẩm Quyền đối với người này và/hoặc di sản của Bị Đơn là đúng bởi vì:

- ☐ **Home State Jurisdiction** – The Respondent has lived in Washington for at least 6 months prior to this case being filed.

Thẩm Quyền Của Tiểu Bang Cư Trú – Bị Đơn đã sống tại Washington ít nhất 6 tháng trước khi vụ án này đang được đệ trình.

- ☐ **Home State Jurisdiction** – The Respondent does not live in Washington right now but Washington was the Respondent's home state sometime in the 6 months prior to this case being filed.

Thẩm Quyền Của Tiểu Bang Cư Trú – Bị Đơn không sống tại Washington ngay bây giờ nhưng đôi khi Washington là tiểu bang cư trú của Bị Đơn trong 6 tháng trước khi vụ án này đang được đệ trình.

- ☐ **Significant Connection Jurisdiction** – Washington is not the Respondent's home state but the Respondent does have a significant connection to the state other than physical presence. The Respondent's significant connection is _____

Thẩm Quyền Kết Nối Quan Trọng – Washington không phải là tiểu bang cư trú của Bị Đơn nhưng Bị Đơn có sự kết nối quan trọng với tiểu bang này ngoài việc hiện diện về mặt vật lý. Sự kết nối quan trọng của Bị Đơn là _____

- ☐ **Special Emergency Jurisdiction** – Washington is not the Respondent's home state but a court order is needed to protect the Respondent's health, safety, or welfare from substantial harm and no other person has authority and is willing to act.

Thẩm Quyền Khẩn Cấp Đặc Biệt – Washington không phải là tiểu bang cư trú của Bị Đơn nhưng cần có lệnh tòa để bảo vệ sức khỏe, an toàn hoặc phúc lợi của Bị Đơn khỏi bị tổn hại đáng kể và không có người nào khác có thẩm quyền và sẵn sàng hành động.

Venue is correct because (check all that apply):

Địa Điểm là đúng bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- ☐ The Respondent resides in the county in which the court is located.

Bị Đơn cư trú ở quận nơi có tòa án.

- ☐ The Respondent has been admitted to an institution by court order, the county in which the court is located.

Bị Đơn đã bị đưa vào một cơ sở theo lệnh tòa, quận này có tòa án.

- ☐ The Respondent does not reside in Washington state but has property located in the county in which the court is located.

Bị Đơn không cư trú ở tiểu bang Washington nhưng sở hữu tài sản ở quận nơi có tòa án.

4. Respondent's Attendance
Sự Tham Dự Của Bị Đơn

- ☐ Respondent was present in court;

Bị Đơn đã hiện diện tại tòa án;

- [] The hearing was conducted outside of the courtroom at the location of the Respondent;
Phiên xét xử đã được tiến hành ở bên ngoài phòng xử án tại địa điểm của Bị Đơn;
- [] Respondent refused to attend the hearing after having been fully informed of the potential consequences;
Bị Đơn đã từ chối tham dự phiên xét xử sau khi đã được thông báo đầy đủ về các hậu quả tiềm ẩn;
- [] There was no practicable way for Respondent to attend and participate even with supportive or technological assistance.
Không có cách thực tế nào để Bị Đơn tham dự và tham gia ngay cả khi có sự hỗ trợ công nghệ và khuyến khích.
- [] Findings to support the above: _____
Phán quyết để hỗ trợ các mục trên đây:
-

5. Court Visitor (Visitor)

Người Biện Hộ Đại Diện (Người Biện Hộ):

The visitor appointed by the court has filed a report with the court. The report is complete and complies with all requirements of RCW 11.130.280 and/or 11.130.380.

Người biện hộ được tòa án chỉ định đã trình nộp báo cáo cho tòa án. Báo cáo đầy đủ và tuân thủ tất cả các yêu cầu của RCW 11.130.280 và/hoặc 11.130.380.

6. Professional Evaluation

Đánh Giá Chuyên Môn

- [] There was a professional evaluation by (name) _____
Đã có một đánh giá chuyên môn (tên)
- [] There is sufficient information to determine Respondent's needs and abilities without the professional evaluation.
Có đủ thông tin để xác định nhu cầu và khả năng của Bị Đơn mà không cần đánh giá chuyên môn.

7. Alternative arrangements made by the Respondent

Các thỏa thuận thay thế do Bị Đơn thực hiện

- [] Respondent did not make alternative arrangements for assistance, such as a power of attorney or other protective arrangements.
Bị Đơn đã không thực hiện các thỏa thuận thay thế để được hỗ trợ, như giấy ủy quyền hoặc các thỏa thuận bảo vệ khác.
- [] Respondent made other protective arrangements for assistance, but such arrangements are inadequate in the following respects: _____
Bị Đơn đã thực hiện các thỏa thuận bảo vệ khác để được hỗ trợ, nhưng các thỏa thuận này không đầy đủ ở những khía cạnh sau đây:
- _____
- _____
- _____

- [] (Name) _____ has been acting in a fiduciary capacity for Respondent and should **not** continue to do so for the following reasons:

(Tên) _____ đã hành động với tư cách là người được ủy thác
có năng lực cho Bị Đơn và **không** nên tiếp tục làm như vậy vì các lý do sau đây:

8. Basis for guardianship and/or conservatorship
Cơ sở cho quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ

Respondent by clear and convincing evidence:
Bị Đơn qua bằng chứng rõ ràng và thuyết phục:

- ☐ lacks the ability to meet essential requirements for physical health, safety, or self-care because the Respondent is unable to receive and evaluate information or make or communicate decisions, even with appropriate supportive services, technological assistance, or supported decision making.

thiếu khả năng đáp ứng các yêu cầu thiết yếu về sức khỏe thể chất, an toàn hoặc khả năng tự chăm sóc bởi vì Bị Đơn không thể tiếp nhận và đánh giá thông tin hoặc đưa ra hay truyền đạt quyết định, ngay cả với các dịch vụ hỗ trợ phù hợp, hỗ trợ công nghệ hoặc hỗ trợ ra quyết định;

- ☐ is incapable of managing property or financial affairs due to ☐ a limitation in Respondent's ability to receive and evaluate information or ☐ absence. An appointment of a conservator is necessary to ☐ avoid a significant dissipation of the individual's property or ☐ obtain funds or property to support and care for the individual or their dependents.

không đủ khả năng quản lý tài sản hoặc các vấn đề tài chính do [-] khả năng tiếp nhận và đánh giá thông tin của Bị Đơn bị hạn chế hoặc [-] vắng mặt. Sự chỉ định người bảo hộ là cần thiết để [-] tránh việc tiêu tán đáng kể tài sản của cá nhân hoặc [-] có được tiền hoặc tài sản để hỗ trợ và chăm sóc cá nhân hoặc những người phụ thuộc của họ.

- ☐ is in need of a full ☐ guardianship and/or ☐ conservatorship.
đang cần [-] quyền giám hộ toàn diện và/hoặc [-] quyền bảo hộ toàn diện.

- ☐ is capable of managing some personal and/or financial affairs, but is in need of the protection and assistance of a limited ☐ guardian ☐ conservator. These specific powers are granted to the ☐ guardian ☐ conservator:

có đủ khả năng quản lý một số vấn đề cá nhân và/hoặc tài chính, nhưng cũng cần sự bảo vệ và hỗ trợ của [-] người giám hộ có giới hạn [-] người bảo hộ có giới hạn. Các quyền hạn cụ thể này được cấp cho [-] người giám hộ [-] người bảo hộ:

- ☐ The following less restrictive protective arrangement will meet Respondent's needs: _____

Thỏa thuận bảo vệ ít hạn chế hơn sau đây sẽ đáp ứng nhu cầu của Bị Đơn:

[] There is clear and convincing evidence that Respondent's needs cannot be met by a protective arrangement instead of guardianship and/or conservatorship or other less restrictive alternative, including the use of appropriate supportive services, technological assistance, or supported decision making.

Có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục rằng các nhu cầu của Bị Đơn không thể được đáp ứng bằng một thỏa thuận bảo vệ thay cho quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ hay giải pháp thay thế ít hạn chế hơn, bao gồm việc sử dụng các dịch vụ có hỗ trợ phù hợp, hỗ trợ công nghệ hoặc hỗ trợ ra quyết định.

[] There is clear and convincing evidence Respondent's needs cannot be met by limited guardianship and/or conservatorship. The guardianship and/or conservatorship is appropriate.

Có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục mà các nhu cầu của Bị Đơn không thể được đáp ứng bằng quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ hạn chế. Quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ là phù hợp.

Specific Findings (about why someone needs a guardianship/conservatorship): _____
Phán Quyết Cụ Thể (về lý do vì sao người nào đó cần một quyền giám hộ/quyền bảo hộ):

9. Guardian/Conservator
Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

The proposed guardian/conservator is qualified to act as [] guardian and/or [] conservator for Respondent and they have filed the *Disclosure of Guardian or Conservator*. Their address, phone numbers and email address are as follows:

Người giám hộ/người bảo hộ được đề xuất có đủ điều kiện để làm một [-] người giám hộ và/hoặc [-] người bảo hộ cho Bị Đơn và họ đã nộp Thông Báo Người Giám Hộ hoặc Người Bảo Hộ. Địa chỉ, số điện thoại và địa chỉ email của họ như sau:

Address: _____

Địa chỉ:

Phone No/s: Business _____ Personal _____
(Các) Số điện thoại: Doanh nghiệp Cá nhân

Email: _____

Email:

The relationship of the guardian and/or conservator to Respondent is:

Mối quan hệ giữa người giám hộ và/hoặc người bảo hộ với Bị Đơn là:

[] The guardian and/or conservator provides paid services, is a relative, or is employed by a person that provides paid services to the Respondent. The court finds by clear and convincing evidence that the guardian and/or conservator is the best qualified

person for the appointment and the appointment is in the best interest of the Respondent.

Người giám hộ và/hoặc người bảo hộ cung cấp các dịch vụ có trả phí, là họ hàng hoặc được thuê bởi một người cung cấp dịch vụ có trả phí cho Bị Đơn. Tòa án nhận thấy theo bằng chứng rõ ràng và thuyết phục rằng người giám hộ và/hoặc người bảo hộ là người đủ điều kiện nhất để chỉ định và sự chỉ định này là vì lợi ích tốt nhất của Bị Đơn.

10. Visitor fees and costs

Phí và chi phí của người biện hộ

☐ The visitor was appointed at ☐ county expense ☐ estate expense and shall submit a motion for payment of fees and costs pursuant to the local rules.

Người biện hộ đã được chỉ định theo mức [-] phí của quận [-] chi phí di sản và phải trình nộp kiến nghị chi trả phí và chi phí căn cứ theo các quy tắc địa phương.

☐ The visitor has requested a fee of \$_____ for services rendered and reimbursement of \$_____ for costs incurred while acting as visitor. Fees in the amount of \$_____ and costs in the amount of \$_____ are reasonable and should be paid as follows:

Người biện hộ đã yêu cầu phí là \$_____ cho các dịch vụ được cung cấp và hoàn trả là \$_____ cho các chi phí phát sinh khi đóng vai trò làm người biện hộ. Phí trong số tiền là \$_____ và chi phí trong số tiền là \$_____ là hợp lý và phải được chi trả như sau:

☐ \$_____ by the guardian/conservator from the estate and/or \$_____ bởi người giám hộ/người bảo hộ từ di sản và/hoặc

☐ by the County of _____ bởi Quận là _____

☐ \$_____ by _____ for the following reason/s: \$_____ bởi _____ vì (các) lý do sau đây:

11. Conservator's Bond

Tiền Bảo Lãnh Của Người Bảo Hộ

The assets of the Respondent:

Tài sản của Bị Đơn:

☐ Does not apply. Respondent only has a guardianship.
Không áp dụng. Bị Đơn chỉ có một quyền giám hộ.

☐ are unknown, and a bond shall be reviewed at the hearing on the conservator's plan.
chưa được biết và tiền bảo lãnh sẽ được xem xét lại tại phiên xét xử về kế hoạch của người bảo hộ.

☐ total less than three thousand dollars (\$3,000) and no bond is required.
tổng ít hơn ba ngàn đô la (\$3,000) và không bắt buộc phải có tiền bảo lãnh.

☐ exceed three thousand dollars (\$3,000) and a bond is required.
vượt quá ba ngàn đô la (\$3,000) và bắt buộc phải có tiền bảo lãnh.

- [] exceed three thousand dollars (\$3,000) and should be placed in a blocked account with an insured financial institution or bonded.
vượt quá ba ngàn đô la (\$3,000) và phải được gửi vào tài khoản bị phong tỏa tại một tổ chức tài chính được bảo hiểm hoặc được bảo lãnh.
- [] should be held by a conservator who is a regulated financial institution, qualified to do trust business in this state, and the court waives any bond requirement.
phải được nắm giữ bởi người bảo hộ là một tổ chức tài chính được quản lý, đủ điều kiện để kinh doanh tín thác tại tiểu bang này và tòa án bãi miễn bất kỳ yêu cầu nào về tiền bảo lãnh.

12. Restrictions on Respondent's right to communicate
Các hạn chế đối với quyền giao tiếp của Bị Đơn

The following facts support restricting Respondent's right to communicate, visit, and interact with others: _____

Các sự kiện sau đây hỗ trợ việc hạn chế quyền giao tiếp, thăm nom và tương tác của Bị Đơn với những người khác:

13. Right to Vote
Quyền Bỏ Phiếu

Respondent:

Bị Đơn:

- [] is capable of exercising the right to vote.
có khả năng thực hiện quyền bỏ phiếu.
- [] is not capable of exercising the right to vote because Respondent cannot communicate, with or without support, a specific desire to participate in the voting process.
không có khả năng thực hiện quyền bỏ phiếu bởi vì Bị Đơn không thể giao tiếp, có hoặc không có hỗ trợ, mong muốn cụ thể muốn tham gia vào quá trình bỏ phiếu.

14. Right to Marry
Quyền Kết Hôn

Respondent:

Bị Đơn:

- [] is capable of exercising the right to marry.
có khả năng thực hiện quyền kết hôn.
- [] is not capable of exercising the right to marry because Respondent lacks the ability to understand the special nature of the contract and the duties it entails.
không có khả năng thực hiện quyền kết hôn bởi vì Bị Đơn thiếu khả năng hiểu biết bản chất đặc biệt của hợp đồng và nghĩa vụ của hợp đồng yêu cầu.

Conclusions of Law
Kết Luận của Luật Pháp

Based upon the above findings of fact, the court makes the following conclusions of law:
Dựa vào việc thành lập sự kiện trên đây, tòa án đưa ra kết luận của luật pháp sau đây:

15. Individual Subject to Guardianship/Conservatorship
Cá Nhân Chịu Dưới Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ

(Name) _____ is an individual who meets the requirements to be subject to guardianship and/or conservatorship within the meaning of chapter 11.130 RCW, and a:

(Tên) _____ là một cá nhân đáp ứng các yêu cầu chịu dưới quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ theo nghĩa của chương 11.130 RCW, và một:

- ☐ Full ☐ Limited guardian and/or
Người giám hộ Chính Thức [-] Có Giới Hạn và/hoặc
- ☐ Full ☐ Limited conservator should be appointed.
Người bảo hộ Chính Thức [-] Có Giới Hạn sẽ được chỉ định

16. Guardian/Conservator
Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

(Name) _____ is a fit and proper person as required by RCW 11.130.305 and 11.130.415 to be appointed as guardian/conservator.

(Tên) _____ là người phù hợp và chính đáng theo yêu cầu của RCW 11.130.305 và 11.130.415 để được chỉ định làm người giám hộ/người bảo hộ.

17. Powers of Guardian and/or Conservator
Quyền Hạn của Người Giám Hộ và/hoặc Người Bảo Hộ

- ☐ The powers of the guardian should include, but are not limited, to the following:
Quyền hạn của người giám hộ nên bao gồm, nhưng không giới hạn, như sau:
- ☐ Establish the adult's place of dwelling, within the limits of RCW 11.130.330 (5);
Thiết lập nơi ở của người lớn, trong phạm vi hạn chế của RCW 11.130.330 (5);
- ☐ Consent to health or other care, treatment, or service for the adult;
Đồng ý về chăm sóc sức khỏe hoặc chăm sóc khác, điều trị, hay dịch vụ dành cho người lớn;
- ☐ Receive personally identifiable health care information regarding the adult;
Nhận thông tin chăm sóc sức khỏe có thể nhận dạng cá nhân liên quan đến người lớn;
- ☐ To the extent reasonable, delegate to the adult responsibility for a decision affecting the adult's well-being;
Trong phạm vi hợp lý, giao cho người lớn trách nhiệm về quyết định ảnh hưởng đến hạnh phúc của người lớn;
- ☐ Commence a proceeding or take other appropriate action to compel another person to support the adult or pay funds for the adult's benefit; and
Bắt đầu một biện pháp hoặc thực hiện hành động thích hợp khác để buộc một người khác phải hỗ trợ người lớn hoặc trả tiền vì quyền lợi của người lớn; và
- ☐ Apply for and receive funds and benefits as a representative payee or an authorized representative or protective payee for the support of the adult.
Nộp đơn xin, đồng thời nhận tiền và phúc lợi với tư cách là người thụ hưởng đại diện hoặc người đại diện được ủy quyền hay người thụ hưởng bảo vệ để hỗ trợ người lớn.

- [] The powers of the conservator should include, but are not limited, to the following:
Quyền hạn của người bảo hộ nên bao gồm, nhưng không giới hạn, như sau:
- [] To undertake the management of the financial affairs of the Respondent.
Đảm trách việc quản lý các vấn đề tài chính của Bị Đơn.
- [] To locate and gather assets.
Định vị và thu lại tài sản.
- [] To establish conservatorship accounts.
Lập tài khoản quyền bảo hộ.
- [] To manage or close any financial accounts, including accounts held individually or jointly with another. To obtain any and all records relative to such accounts without the necessity of obtaining the written authority of any other person named on any such joint accounts.
Quản lý hoặc đóng bất kỳ tài khoản tài chính nào, bao gồm các tài khoản được nắm giữ cá nhân hoặc chung với một người khác. Có được bất kỳ và tất cả hồ sơ liên quan đến các tài khoản đó mà không cần phải có sự cho phép bằng văn bản của bất kỳ người nào khác được nêu tên trên bất kỳ tài khoản chung nào như vậy.
- [] To remove Respondent's name from any joint bank account and/or financial account and change the mailing address of any bank and/or financial statement to any address the conservator may request. If an asset has signatories or co-owners in addition to the Respondent, the conservator has the authority to block all access to such account/asset until true ownership has been discovered.
Xóa tên Bị Đơn ra khỏi bất kỳ tài khoản ngân hàng chung và/hoặc tài khoản tài chính nào, đồng thời đổi địa chỉ gửi thư của bất kỳ ngân hàng và/hoặc báo cáo tài chính nào thành bất kỳ địa chỉ nào mà người bảo hộ có thể yêu cầu. Nếu tài sản có người ký tên hoặc đồng sở hữu ngoài Bị Đơn, người bảo hộ có thẩm quyền ngăn chặn mọi quyền tiếp cận tài khoản/tài sản đó cho đến khi phát hiện ra quyền sở hữu thực sự.
- [] To enter any safe deposit box held in the name of the Respondent, individually or with another, and inventory the contents of the box in the presence of an employee of the institution. Upon the submission of the witnessed inventory to the clerk of the court, the conservator has the authority to remove any contents and maintain and/or close said box or add items thereto. If the key to the box cannot be located, the conservator has the authority to authorize the drilling open of the box by the institution.
Vào bất kỳ két ký gửi an toàn nào do Bị Đơn đứng tên, cá nhân hoặc cùng với một người khác, và kiểm kê đồ đạc trong két trước sự chứng kiến của một nhân viên tổ chức. Sau khi trình nộp bản kiểm kê có chứng kiến cho lục sự tòa án, người bảo hộ có thẩm quyền lấy ra bất kỳ đồ vật nào bên trong và bảo quản và/hoặc đóng két nêu trên hoặc thêm các đồ vật vào đó. Nếu không tìm thấy chìa khóa của két này, người bảo hộ có thẩm quyền cho phép cơ sở khoan để mở két.
- [] To expend funds as necessary for the benefit of Respondent subject to review by the court.
Sử dụng tiền khi cần thiết vì quyền lợi của Bị Đơn, tùy thuộc vào việc tái xét của tòa án.

- [] To convert all holdings, including but not limited to savings accounts, money market accounts, IRAs, pensions, annuities, 401Ks, mutual funds, stocks, bonds, cash, automobiles, mobile homes, and any other income or personal property, into the name of the conservator for the purposes of the conservatorship and all other reasonable duties required of a conservator.

Chuyển đổi tất cả cổ phần, bao gồm nhưng không giới hạn ở các tài khoản tiết kiệm, tài khoản thị trường tiền tệ, IRA, lương hưu, lãi niên kim, 401K, quỹ tương hỗ, cổ phiếu, trái phiếu, tiền mặt, ô tô, nhà di động và bất kỳ thu nhập hoặc tài sản cá nhân nào khác, sang cho tên người bảo hộ vì mục đích về quyền bảo hộ và tất cả các nghĩa vụ hợp lý khác mà người bảo hộ phải thực hiện.

- [] To enter any dwelling or storage area rented or owned by Respondent, or access the land or property owned or rented (individually or with another) by Respondent without the necessity of obtaining the written authority of any other person named on any such dwelling, land, property, or storage area.

Vào bất kỳ nơi ở hoặc khu vực lưu trữ nào do Bị Đơn thuê hoặc sở hữu, hay tiếp cận đất đai hoặc tài sản do Bị Đơn sở hữu hoặc thuê (cá nhân hoặc với một người khác) mà không cần thiết phải có sự cho phép bằng văn bản của bất kỳ người nào khác có tên trên bất kỳ nơi ở, đất đai, tài sản hoặc khu vực lưu trữ nào như vậy.

- [] To remove, change, and/or re-key any lock to Respondent's personal or real property.

Lấy ra, thay đổi và/hoặc làm lại chìa khóa cho bất kỳ ổ khóa nào đối với tài sản cá nhân hoặc bất động sản của Bị Đơn.

- [] To retain an appraiser to appraise real estate owned by the Respondent in the event a petition for authority to sell the real property is brought.

Thuê một người thẩm định để thẩm định bất động sản do Bị Đơn sở hữu trong trường hợp trình nộp đơn xin thẩm quyền bán bất động sản.

- [] To expend funds to establish cremation or burial arrangements.

Sử dụng tiền để thiết lập hỏa táng hoặc chôn cất.

- [] Other: _____
Khác: _____

Without further court order, the guardian does not have power to consent to sterilization on behalf Respondent.

Nếu không có thêm lệnh tòa, người giám hộ không có quyền hạn đồng ý triệt sản thay mặt Bị Đơn.

18. Limitations and restrictions placed on the Respondent **Các giới hạn và hạn chế áp dụng cho Bị Đơn**

The limitations and restrictions placed on Respondent are as follows:

Các giới hạn và hạn chế áp dụng cho Bị Đơn như sau:

- [] To vote or hold an elected office.
Bỏ phiếu hoặc giữ chức vụ được bầu.

- [] To marry, divorce, or enter into or end a state registered domestic partnership.
Kết hôn, ly hôn hoặc thiết lập hay chấm dứt quan hệ sống chung có đăng ký tiểu bang.
- [] To consent to or refuse medical treatment.
Đồng ý hoặc từ chối điều trị bệnh.
- [] To decide who shall provide care and assistance.
Quyết định ai sẽ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ.
- [] To make decisions regarding social aspects of their life.
Đưa ra quyết định về các khía cạnh xã hội trong cuộc sống của họ.
- [] To possess a license to drive.
Có giấy phép lái xe.
- [] To make or revoke a will.
Lập hoặc hủy bỏ di chúc.
- [] To enter into a contract.
Ký kết hợp đồng.
- [] To appoint someone to act on their behalf.
Chỉ định người nào đó thay mặt cho họ.
- [] To sue and be sued, other than through a guardian and/or conservator.
Kiên và bị kiện, không thông qua người giám hộ và/hoặc người bảo hộ.
- [] To buy, sell, own, mortgage, or lease property.
Mua, bán, sở hữu, thế chấp hoặc cho thuê bất động sản.
- [] To manage their money.
Quản lý tiền bạc của họ.
- [] Other limitations and restrictions: _____
Các giới hạn và hạn chế khác:
- _____
- _____
- _____

19. Restrictions on Respondent's right to communicate, visit, and interact with others
Các hạn chế đối với quyền giao tiếp, thăm nom và tương tác với những người khác

The guardian is authorized to restrict Respondent's right to communicate, visit, and interact or otherwise associate with the following persons:

Người giám hộ được cho phép hạn chế quyền giao tiếp, thăm nom và tương tác của Bị Đơn hoặc theo cách khác với những người sau đây:

Name of Person <i>Tên Người</i>	Nature of Restriction <i>Bản Chất về Hạn Chế</i>
1. _____	_____
2. _____	_____
3. _____	_____

20. The court finds it would be contrary to Respondent's preferences to provide notice to (name) _____ who is a spouse, domestic partner, or adult child.

Tòa án nhận thấy rằng việc thông báo cho (tên) sẽ trái với sở thích của Bị Đơn là vợ/chồng, bạn tình sống chung hoặc con trưởng thành.

The Court Orders:

Các Lệnh Tòa:

21. Prior Power of Attorney

Ủy Quyền Trước

Any power of attorney of any kind previously executed by the Respondent:

Bất kỳ ủy quyền nào dưới mọi hình thức đã được Bị Đơn thực hiện trước đó:

☐ is not canceled.
không bị hủy bỏ.

☐ is canceled in its entirety.
đã bị hủy bỏ hoàn toàn.

☐ is canceled in its entirety except for those provisions pertaining to _____
bị hủy bỏ hoàn toàn ngoại trừ các điều khoản đó liên quan đến _____

22. Appointment of Guardian/Conservator

Chỉ Định Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

(Name) _____ is appointed as:

(Tên) _____ được chỉ định làm:

☐ Full ☐ Limited Guardian and/or ☐ Full ☐ Limited Conservator of _____

_____, and the powers and limitations of the guardian/conservator, the restrictions on Respondent's right to communicate, visit, or interact with others, and the limitation and restrictions placed on Respondent shall be as set forth in paragraphs **18** and **19** of the Conclusions of Law.

Người Giám Hộ Chính Thức [-] Có Giới Hạn và/hoặc [-] Người Bảo Hộ Chính Thức [-]
] Có Giới Hạn của _____

_____, và các quyền hạn và giới hạn của người giám hộ/người bảo hộ, các hạn chế về quyền giao tiếp, thăm nom hoặc tương tác của Bị Đơn với những người khác, và giới hạn và hạn chế áp dụng cho Bị Đơn sẽ được quy định trong các đoạn **18** và **19** thuộc phần Kết Luận của Luật Pháp.

23. Letters of Guardianship/Conservatorship

Thư về Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ

The clerk of the court shall issue letters of guardianship and/or conservatorship (Letters of Office) valid until (date) _____ to (name of guardian/conservator)

Lục sự tòa án sẽ cấp phát thư về quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ (Hồ Sơ Tòa Án) có hiệu lực cho đến (ngày) _____ đến (tên người giám hộ/người bảo hộ)

_____ upon the filing of an acceptance of appointment, any bond or verified receipt required in paragraph **25**, and a *Designation of and Consent by In-State (Resident) Agent*, if the guardian/conservator or limited guardian/conservator resides outside the state.

khi nộp đơn chấp nhận chỉ định, bất kỳ số tiền bảo lãnh hoặc biên nhận đã xác minh nào được yêu cầu trong đoạn **25** và Sự Chỉ Định và Đồng Ý của Người Đại Diện Trong Tiểu Bang (Cư Trú), nếu người giám hộ/người bảo hộ hoặc người giám hộ/người bảo hộ có giới hạn cư trú ở bên ngoài tiểu bang.

24. Lay guardian and conservator training

Khóa huấn luyện người giám hộ và người bảo hộ không chuyên

- [] Does not apply. The guardian/conservator is a certified professional guardian/conservator or financial institution.
Không áp dụng. Người giám hộ/người bảo hộ là người giám hộ/người bảo hộ chuyên nghiệp có chứng nhận hoặc tổ chức tài chính.
- [] The Petitioner submitted evidence that the guardian/conservator successfully completed lay guardian/conservator training.
Nguyên Đơn đã trình nộp bằng chứng rằng người giám hộ/người bảo hộ đã hoàn tất thành công khóa huấn luyện người giám hộ/người bảo hộ không chuyên.
- [] The guardian/conservator must complete and file proof of completion of lay guardian and conservator training or obtain an order waiving training by (date) _____ (no more than 90 days after today's date).
Người giám hộ/người bảo hộ phải hoàn tất và trình nộp bằng chứng hoàn tất khóa huấn luyện người giám hộ và người bảo hộ không chuyên hoặc có được lệnh bãi miễn huấn luyện trước (ngày) _____ (không quá 90 ngày sau ngày hôm nay).

25. Conservatorship bond and security

Tiền thế chấp và tiền bảo lãnh về quyền bảo hộ

- [] Conservatorship bond is set in the amount of \$_____.
Tiền bảo lãnh về quyền bảo hộ được thiết lập với số tiền là \$_____.
- [] Bond is waived.
Tiền bảo lãnh được bãi miễn.
- [] Bond shall be reviewed at the hearing on the *Conservator's Plan*.
Tiền bảo lãnh sẽ được xem xét lại tại phiên xét xử về Kế Hoạch của Người Bảo Hộ.
- [] All other accounts/liquid assets in excess of the bond shall be blocked and shall not be withdrawn except by court order. The conservator shall file a receipt of funds into blocked account (form GDN ALL 006, *Receipt of Funds into Blocked Financial Account*) with the court.
Tất cả các tài khoản/tài sản thanh khoản khác vượt quá số tiền bảo lãnh sẽ bị phong tỏa và không được rút ra trừ khi có lệnh tòa. Người bảo hộ sẽ trình nộp biên nhận về số tiền chuyển vào tài khoản bị phong tỏa (mẫu đơn GDN ALL 006, Biên Nhận về Số Tiền chuyển vào Tài Khoản Tài Chính Bị Phong Tỏa) cho tòa án.

26. Required Notices

Thông Báo Bắt Buộc

Within 14 days of this order, the guardian/conservator shall give notice of this *Order* and *Notice of Rights* (form GDN C 105) to the Respondent and any notice party.
Trong vòng 14 ngày kể từ ngày ban hành lệnh này, người giám hộ/người bảo hộ phải thông báo về Lệnh này và Thông Báo về Các Quyền (mẫu GDN C 105) cho Bị Đơn và bất kỳ đương sự nào được thông báo.

27. Report of substantial change in income or assets

Báo cáo về thay đổi đáng kể đối với thu nhập hoặc tài sản

Within 30 days of any substantial change in the estate's income or assets, the conservator shall report to the court and schedule a hearing. The purpose of the hearing

will be for the court to consider changing the bond or making another provision in accordance with RCW 11.130.505 (14).

Trong vòng 30 ngày kể từ bất kỳ thay đổi đáng kể nào về thu nhập hoặc tài sản của di sản, người bảo hộ phải báo cáo cho tòa án và sắp xếp một phiên xét xử. Mục đích của phiên xét xử là để tòa án xem xét việc thay đổi tiền bảo lãnh hoặc đưa ra một điều khoản khác theo RCW 11.130.505 (14).

28. Inventory
Kiểm Kê

Within 3 months of appointment, the conservator shall file a verified inventory of Respondent's property, which has come into the conservator's possession or knowledge. The inventory shall include a statement of all encumbrances, liens, and other secured charges on any item.

Trong vòng 3 tháng kể từ ngày chỉ định, người bảo hộ phải trình nộp bản kiểm kê đã xác minh về tài sản của Bị Đơn đã được người bảo hộ nắm giữ hoặc biết đến. Bản kiểm kê phải bao gồm bảng kê khai tất cả các khoản thế chấp, cầm cố và các khoản phí bảo đảm khác đối với bất kỳ tài sản nào.

29. Guardian/Conservator's Plan
Kế Hoạch Của Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

Within 3 months after appointment, the guardian/conservator shall complete and file a plan that shall comply with the requirements of RCW 11.130.340 and 11.130.510 and set a hearing on the plan 30 days after the plan is filed.

Trong vòng 3 tháng sau khi được chỉ định, người giám hộ/người bảo hộ phải hoàn tất và trình nộp một kế hoạch tuân thủ các yêu cầu của RCW 11.130.340 và 11.130.510 và ấn định phiên xét xử về kế hoạch 30 ngày sau khi trình nộp kế hoạch này.

30. Respondent's Status
Tình Trạng Của Bị Đơn

Unless otherwise ordered, the guardian/conservator shall file an annual report on Respondent's status that shall comply with the requirements of RCW 11.130.345 and 11.130.530.

Trừ khi có lệnh khác, người giám hộ/người bảo hộ phải nộp báo cáo hàng năm về tình trạng của Bị Đơn sẽ tuân thủ các yêu cầu của RCW 11.130.345 và 11.130.530.

31. Substantial change in condition or residence
Thay đổi đáng kể về tình trạng hoặc nơi cư trú

The guardian/conservator shall report to the court within 30 days any substantial change in Respondent's condition, value of Respondent's estate, or any change in Respondent's residence.

Người giám hộ/người bảo hộ phải báo cáo cho tòa án trong vòng 30 ngày về bất kỳ thay đổi đáng kể nào đối với tình trạng của Bị Đơn, giá trị di sản của Bị Đơn hoặc bất kỳ thay đổi nào về nơi cư trú của Bị Đơn.

32. Restoration of Rights
Phục Hồi Các Quyền

Any guardian or conservator shall immediately notify the court if the condition of the adult has changed so that the adult is capable of exercising rights previously removed.

Bất kỳ người giám hộ hoặc người bảo hộ nào cũng phải thông báo ngay lập tức cho tòa án nếu tình trạng của người lớn đã thay đổi để người lớn này có khả năng thực hiện các quyền đã bị tước bỏ trước đó.

33. Authority for investment and expenditure
Thẩm quyền đầu tư và chi tiêu

A conservator has all the powers granted in law, RCW 11.130 et. seq., except as follows: _____

Người bảo hộ có tất cả các quyền hạn được cấp theo luật, RCW 11.130 và tiếp theo, ngoại trừ mục như sau:

34. Duration of guardianship/conservatorship
Thời hạn về quyền giám hộ/quyền bảo hộ

This guardianship and/or conservatorship shall continue to be in effect:

Quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ này sẽ tiếp tục có hiệu lực:

- ☐ until it is terminated pursuant to RCW 11.130.355 or 11.130.570;
cho đến khi được chấm dứt theo RCW 11.130.355 hoặc 11.130.570;
- ☐ until further order of the court. The necessity for the guardianship/conservatorship to continue shall be periodically reviewed;
cho đến khi có lệnh tòa tiếp theo. Sự cần thiết đối với quyền giám hộ/quyền bảo hộ phải được xem xét theo định kỳ;
- ☐ until Respondent, who is a minor, turns 18 years old; **or**
cho đến khi Bị Đơn, là một trẻ vị thành niên, bước sang 18 tuổi; hoặc
- ☐ other: _____
khác:

35. Discharge/Retention of Visitor
Bãi Nhiệm/Giữ Lại Người Biện Hộ

☐ The visitor is discharged; **or**
Người biện hộ bị bãi nhiệm; hoặc

☐ The visitor shall continue performing further duties or obligations as follows: _____
Người biện hộ phải tiếp tục thực hiện thêm các trách nhiệm hoặc nghĩa vụ như sau:

The visitor shall be paid at a rate of \$ _____ per hour up to a maximum of \$ _____
or _____ hours unless the visitor obtains prior approval from the court for a
different amount.

*Người biện hộ phải được chi trả ở mức là \$ _____ mỗi giờ lên đến tối đa là \$ _____
hoặc _____
giờ trừ khi người biện hộ có được sự chấp thuận trước của tòa án cho một số tiền khác.*

36. Discharge/Retention of Respondent's Attorney
Bãi Nhiệm/Giữ Lại Luật Sư Của Bị Đơn

☐ Does not apply; **or**

Không áp dụng; hoặc

[] Respondent's attorney is discharged; **or**
Luật sư của Bị Đơn bị bãi nhiệm; hoặc

[] Respondent's attorney shall continue performing further duties or obligations as follows: _____
Luật sư của Bị Đơn phải tiếp tục thực hiện thêm các trách nhiệm hoặc nghĩa vụ như sau:

[] The lawyer must be paid at a rate of \$ _____ per hour up to a maximum of \$ _____ or _____ hours unless the lawyer obtains prior approval from the court for a different amount. The court may decide later if anyone must reimburse public or private fees paid.

Luật sư phải được chi trả ở mức là \$ _____ mỗi giờ lên đến tối đa là \$ _____ hoặc _____ giờ trừ khi luật sư có được sự chấp thuận trước của tòa án cho một số tiền khác. Tòa án có thể quyết định sau đó xem có người nào phải hoàn trả phí công hoặc phí tự trả đã thanh toán hay không.

37. Persons with a right to receive notice and pleadings

Những người có quyền nhận được thông báo và lời biện hộ

The persons listed below are entitled to certain statutory notices as described in RCW 11.130.310 and 11.130.420:

Những người được liệt kê dưới đây có quyền được nhận các thông báo nhất định theo đạo luật như được quy định trong RCW 11.130.310 và 11.130.420:

Name: _____

Tên:

Address: _____

Địa chỉ:

Name: _____

Tên:

Address: _____

Địa chỉ:

[] The spouse, adult children, or domestic partner (*names*) _____ are not entitled to notice.

Vợ/chồng, các con trưởng thành hoặc bạn tình sống chung (các tên) _____ không có quyền được thông báo.

(Add more names or extra sheets if necessary)

(Thêm nhiều tên hoặc giấy nếu cần)

38. Guardian/Conservator Fees

Phí Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

- [] DSHS cases: The guardian/conservator is allowed such fees and costs as permitted by the Washington Administrative Code in the amount of \$235.00 per month as a deduction from the Respondent's participation in the DSHS cost of care. Such fees are subject to court review and approval. This deduction is approved for the initial 12-month reporting period and 90 days thereafter, from the date of this order to _____. The guardian may petition for fees in excess of the above amount only on notice to the appropriate DSHS Regional Administrator per WAC 182.513.1530, **or**

*Các vụ án DSHS: Người giám hộ/người bảo hộ được cho phép các phí và chi phí như vậy theo quy định của Bộ Luật Hành Chính Washington với số tiền là \$235.00 mỗi tháng như một khoản khấu trừ từ khoản tham gia của Bị Đơn vào chi phí chăm sóc DSHS. Các phí này phải được tòa án tái xét và chấp thuận. Khoản khấu trừ này được chấp thuận cho thời hạn báo cáo ban đầu là 12 tháng và 90 ngày sau đó, kể từ ngày ban hành lệnh này đến _____. Người giám hộ chỉ có thể xin các phí vượt quá số tiền nêu trên khi thông báo cho Quản Trị Viên Khu Vực DSHS phù hợp theo WAC 182.513.1530, **hoặc***

- [] Non-DSHS cases: The guardian/conservator shall petition the court for approval of fees. The guardian/conservator may advance themselves \$_____ per month, subject to court review and approval.

Các vụ án không phải của DSHS: Người giám hộ/người bảo hộ phải xin tòa án chấp thuận các phí. Người giám hộ/người bảo hộ có thể tự đưa ra \$_____ mỗi tháng, phải được tòa án tái xét và chấp thuận.

39. Court Visitor fee

Phí Người Biện Hộ Đại Diện

- [] Fees and costs are approved as reasonable; **or**
*Phí và chi phí được chấp thuận là hợp lý; **hoặc***

- [] The visitor fees and costs are approved as reasonable in the total amount of \$_____. They shall be paid from [] the estate assets, [] the county, [] other source as follows: _____
Phí và chi phí người biện hộ được chấp thuận là hợp lý trong tổng số tiền là \$_____. Họ sẽ được trả từ [-] tài sản thừa kế, [-] quận [-] nguồn lực khác như sau:

40. Legal Fees

Phí Pháp Lý

The legal fees and costs of _____ are approved as reasonable in the amount of
Phí và chi phí pháp lý là _____ được chấp thuận là hợp lý trong số tiền là _____

\$_____, and shall be paid from the:
\$, và phải được chi trả từ:

- [] Guardianship/conservatorship estate assets **or**
*Tài sản thừa kế thuộc quyền giám hộ/quyền bảo hộ **hoặc***
- [] deduction from the Respondent's participation in the DSHS cost of care.
khoản khấu trừ từ khoản tham gia của Bị Đơn vào chi phí chăm sóc DSHS.
- [] Other source/s as follows: _____
(Các) nguồn lực khác như sau:

41. Guardian/Conservator's Report

Báo Cáo Của Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

The guardian/conservator's report shall cover the:

Báo cáo của người giám hộ/người bảo hộ phải gồm có:

☐ **12-month** ☐ **24-month** ☐ **36-month** period following the appointment. The guardian/conservator must file their report by *(date, which is within 90 days of the end of the reporting period)* _____ and shall comply with the requirements of RCW 11.130.325 and RCW 11.130.505.

Thời hạn 12 tháng [-] 24 tháng [-] 36 tháng sau khi chỉ định. Người giám hộ/người bảo hộ phải trình nộp báo cáo trước (ngày, nằm trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn báo cáo) và phải tuân thủ các yêu cầu của RCW 11.130.325 và RCW 11.130.505.

The court must review the report.

Tòa án phải tái xét báo cáo này.

☐ A review hearing is set for *(date)* _____
Phiên xét xử tái xét được thiết lập vào (ngày)

☐ The guardian/conservator must set a review hearing date on or before *(date)* _____.
Người giám hộ/người bảo hộ phải thiết lập ngày xét xử việc tái xét vào hoặc trước (ngày)

☐ The court will review the accounting or report on or before *(date)* _____, without a hearing. The court may set a review hearing at a later date.
Tòa án sẽ xem xét lại về kế toán hoặc báo cáo vào hoặc trước (ngày), không có phiên xét xử. Tòa án có thể thiết lập một phiên xét xử về việc tái xét vào ngày sau đó.

42. Other

Khác

Dated _____
Đề ngày

Judge/Court Commissioner
Thẩm Phán/Ủy Viên Tòa Án

Presented by:
Được trình bày bởi:

Signature of Petitioner/Attorney
Chữ Ký của Nguyên Đơn/Luật Sư

Printed Name
Tên Viết In

WSBA or CPG No:
WSBA hoặc CPG Số:

Copy received and approved by:
Bản sao đã nhận và chấp thuận bởi:

Signature of Guardian/Conservator
Chữ Ký của Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

Printed Name
Tên Viết In

WSBA or CPG No.
WSBA hoặc CPG Số:

Signature of Party/Visitor
Chữ Ký của Đương Sự/Người Biện Hộ

Printed Name
Tên Viết In

WSBA or CPG No.
WSBA hoặc CPG Số: